VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 22/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2017 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang

(Tiếp theo Công báo số 711 + 712)

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KIÊN GIANG

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Ba Núi	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 50"	104° 35' 56"					C-48-42-C-a
ấp Ba Trại	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 49"	104° 38' 43"					C-48-42-C-b
ấp Bãi Giếng	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 58"	104° 36' 35"					C-48-42-C-a
ấp Bình Đông	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 23"	104° 37' 17"					C-48-42-C-b
ấp Hòn Chông	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 55"	104° 36' 57"					C-48-42-C-a
ấp Hòn Trẹm	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 49"	104° 37' 38"					C-48-42-C-b
ấp Rẫy Mới	DC	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 37"	104° 38' 09"					C-48-42-C-b
Đường tỉnh 971	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 15' 03"	104° 35' 20"	10° 08' 48"	104° 37' 32"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
cảng Hòn Chông	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 52"	104° 35' 51"					C-48-42-C-a
cầu Sơn Trà	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 26"	104° 37' 10"					C-48-42-C-a
Chùa Hang	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 26"	104° 38' 18"					C-48-42-C-b
cống Tà Ẫm	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 39"	104° 38' 35"					C-48-42-C-b
di tích lịch sử và thắng cảnh Núi Mo So	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 58"	104° 36' 55"					C-48-42-C-a
di tích thắng cảnh Hòn Chông	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 44"	104° 37' 32"					C-48-42-C-b
Khách sạn An Hải Sơn	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 02"	104° 37' 00"					C-48-42-C-a
Khu du lịch Chùa Hang	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 26"	104° 38' 14"					C-48-42-C-b
Nhà máy Xi măng Hà Tiên - Kiên Giang	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 55"	104° 36' 51"					C-48-42-C-a
Nhà máy Xi măng Sao Mai	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 55"	104° 35' 54"					C-48-42-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xí nghiệp Đá vôi Bình An	KX	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 03"	104° 36' 05"					C-48-42-C-a
núi Bà Tài	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 21"	104° 36' 00"					C-48-42-C-a
núi Bãi Voi	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 13' 20"	104° 36' 52"					C-48-42-C-a
núi Bình Trị	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 09' 20"	104° 37' 01"					C-48-42-C-a
núi Chùa Hang	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 08' 28"	104° 38' 30"					C-48-42-C-a
Núi Cọp	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 13' 02"	104° 35' 53"					C-48-42-C-a
núi Hang Cây Ớt	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 11' 32"	104° 36' 28"					C-48-42-C-a
núi Hang Tiền	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 11' 10"	104° 35' 29"					C-48-42-C-a
Núi Huỷnh	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 11' 49"	104° 37' 12"					C-48-42-C-a
núi Khoe Lá	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 35"	104° 35' 11"					C-48-42-C-a
Núi Nước	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 35"	104° 36' 06"					C-48-42-C-a
núi Sơn Trà	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 12' 23"	104° 36' 56"					C-48-42-C-a
núi Trà Đuốc Nhỏ	SV	xã Bình An	H. Kiên Lương	10° 10' 54"	104° 37' 44"					C-48-42-C-b
kênh Ba Long	TV	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 10' 24"	104° 36' 38"	10° 12' 45"	104° 39' 43"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Linker	TV	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 10' 23"	104° 37' 01"	10° 13' 16"	104° 38' 09"	C-48-42-C-a
kênh Lung Lớn 2	TV	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 15' 48"	104° 41' 55"	10° 09' 51"	104° 36' 29"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Sao Mai	TV	xã Bình An	H. Kiên Lương			10° 12' 37"	104° 37' 04"	10° 11' 26"	104° 37' 43"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
ấp Hố Bườn	DC	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 10' 24"	104° 39' 52"					C-48-42-C-b
ấp Núi Mây	DC	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 13' 14"	104° 37' 36"					C-48-42-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Rạch Đùng	DC	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 11' 01"	104° 40' 09"					C-48-42-C-b
ấp Song Chinh	DC	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 12' 53"	104° 41' 52"					C-48-42-C-b
cầu Sơn Trà	KX	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 12' 26"	104° 37' 10"					C-48-42-C-a
núi Bình Trị	SV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 10' 30"	104° 39' 15"					C-48-42-C-b
Núi Mây	SV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 13' 09"	104° 37' 40"					C-48-42-C-a
Núi Nhỏ	SV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 12' 37"	104° 37' 28"					C-48-42-C-a
núi Trà Đuốc Lớn	SV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương	10° 11' 03"	104° 38' 05"					C-48-42-C-b
Kênh 500	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 44"	104° 42' 12"	10° 13' 14"	104° 42' 10"	C-48-42-C-b
Kênh 500	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 22"	104° 41' 52"	10° 11' 25"	104° 39' 58"	C-48-42-C-b
Kênh 700	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 11' 33"	104° 40' 06"	10° 12' 54"	104° 39' 08"	C-48-42-C-b
kênh An Bình	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 12' 54"	104° 39' 08"	10° 16' 01"	104° 37' 23"	C-48-42-C-b
kênh Ba Long	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 10' 24"	104° 36' 38"	10° 12' 45"	104° 39' 43"	C-48-42-C-b
kênh Cái Tre	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 17' 16"	104° 39' 42"	10° 13' 08"	104° 39' 38"	C-48-42-C-b
kênh Cống Tre	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 56"	104° 38' 52"	10° 17' 17"	104° 38' 59"	C-48-42-C-b
kênh Lẩu Mắm	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 04"	104° 40' 15"	10° 17' 05"	104° 40' 19"	C-48-42-C-b
kênh Linker	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 10' 23"	104° 37' 01"	10° 13' 16"	104° 38' 09"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Lung Kha Na	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 16' 49"	104° 38' 55"	10° 13' 55"	104° 37' 09"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Lung Lớn 1	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 17' 12"	104° 41' 58"	10° 12' 37"	104° 41' 50"	C-48-42-C-b
kênh Lung Lớn 2	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 15' 48"	104° 41' 55"	10° 09' 51"	104° 36' 29"	C-48-42-C-b
kênh Rạch Đùng - Song Chinh	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 01"	104° 41' 50"	10° 11' 02"	104° 40' 09"	C-48-42-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Sao Mai	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 12' 37"	104° 37' 04"	10° 11' 26"	104° 37' 43"	C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Tà Êm	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 24"	104° 37' 20"	10° 13' 53"	104° 37' 02"	C-48-42-C-a
kênh Tám Thước	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 11' 31"	104° 40' 35"	10° 16' 21"	104° 37' 09"	C-48-42-C-b
kênh TĐ5	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 43"	104° 43' 01"	10° 14' 49"	104° 39' 42"	C-48-42-C-b
kênh TĐ6	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 14' 12"	104° 41' 54"	10° 14' 17"	104° 39' 41"	C-48-42-C-b
kênh TĐ7	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 38"	104° 41' 53"	10° 13' 42"	104° 39' 40"	C-48-42-C-b
kênh TĐ8	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 13' 03"	104° 39' 30"	10° 13' 05"	104° 41' 34"	C-48-42-C-b
kênh Võ Văn Kiệt	TV	xã Bình Trị	H. Kiên Lương			10° 25' 30"	104° 49' 03"	10° 12' 53"	104° 42' 13"	C-48-42-C-b
ấp Bãi Chà Và	DC	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 18' 44"	104° 31' 51"					C-48-42-A-c
ấp Bãi Ớt	DC	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 17' 42"	104° 32' 18"					C-48-42-A-c
ấp Hòn Heo	DC	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 17' 55"	104° 31' 45"					C-48-42-A-c
ấp Mũi Dừa	DC	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 17' 11"	104° 32' 09"					C-48-42-A-c
ấp Ngã Tư	DC	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 18' 17"	104° 32' 01"					C-48-42-A-c
ấp Tà Săng	DC	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 16' 30"	104° 34' 14"					C-48-42-A-c
Quốc lộ 80	KX	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-c
cầu Tà Săng	KX	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 16' 17"	104° 34' 24"					C-48-42-A-c
cầu Tam Bản	KX	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 17' 39"	104° 32' 37"					C-48-42-A-c
chùa Bã Chà Và	KX	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 18' 32"	104° 32' 00"					C-48-42-A-c
chùa Bãi Ớt	KX	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 17' 48"	104° 32' 35"					C-48-42-A-c
chùa Vạn Hòa	KX	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 17' 31"	104° 31' 57"					C-48-42-A-c
núi Cà Đanh	SV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 16' 58"	104° 33' 54"					C-48-42-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Chót	SV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 17' 59"	104° 34' 47"					C-48-42-A-c
Núi Giữa	SV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 18' 16"	104° 34' 56"					C-48-42-A-c
Núi Mây	SV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 17' 27"	104° 35' 23"					C-48-42-A-c
Núi Nai	SV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 16' 41"	104° 36' 11"					C-48-42-A-c
Núi Ông	SV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 18' 34"	104° 35' 09"					C-48-42-A-c
núi Ông Cọp	SV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương	10° 19' 08"	104° 31' 52"					C-48-42-A-c
Kênh 1000	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 18' 51"	104° 35' 14"	10° 17' 20"	104° 36' 56"	C-48-42-A-c
Kênh 3000	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 17' 31"	104° 35' 11"	10° 16' 57"	104° 35' 50"	C-48-42-A-c
kênh Cây Me	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 18' 48"	104° 35' 11"	10° 17' 25"	104° 33' 20"	C-48-42-A-c
kênh Núi Ông	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 19' 03"	104° 35' 48"	10° 18' 41"	104° 35' 10"	C-48-42-A-c
Kênh Ranh	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 17' 48"	104° 36' 30"	10° 15' 30"	104° 35' 09"	C-48-42-A-c
kênh Sáng Múc	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 15' 26"	104° 35' 49"	10° 15' 25"	104° 34' 50"	C-48-42-A-c
kênh Tà Săng	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 18' 12"	104° 36' 04"	10° 17' 22"	104° 34' 31"	C-48-42-A-c
kênh Tà Săng	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 16' 09"	104° 36' 51"	10° 16' 14"	104° 34' 16"	C-48-42-A-c
kênh Tà Xăng	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 16' 09"	104° 36' 51"	10° 16' 35"	104° 35' 33"	C-48-42-A-c
kênh Tam Bản	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 19' 43"	104° 34' 54"	10° 17' 52"	104° 32' 37"	C-48-42-A-c
rạch Tam Bản	TV	xã Dương Hòa	H. Kiên Lương			10° 20' 32"	104° 33' 32"	10° 18' 50"	104° 33' 14"	C-48-42-A-c
Ấp Cảng	DC	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương	10° 20' 06"	104° 34' 18"					C-48-42-A-c
ấp Cờ Trắng	DC	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương	10° 19' 36"	104° 35' 05"					C-48-42-A-c
ấp Hòa Giang	DC	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương	10° 17' 24"	104° 38' 19"					C-48-42-A-d
ấp Hòa Lạc	DC	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương	10° 19' 18"	104° 39' 28"					C-48-42-A-d
ấp Kinh 1	DC	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương	10° 17' 47"	104° 38' 20"					C-48-42-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Núi Trầu	DC	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương	10° 18' 05"	104° 37' 15"					C-48-42-A-c
ấp Tân Điền	DC	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương	10° 21' 47"	104° 40' 48"					C-48-42-A-d
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương	10° 18' 54"	104° 36' 04"					C-48-42-A-c
chùa Núi Trầu	KX	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương	10° 17' 54"	104° 36' 33"					C-48-42-A-c
Kênh 1	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 38"	104° 39' 12"	10° 17' 34"	104° 38' 08"	C-48-42-A-d
Kênh 2	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 17' 54"	104° 37' 37"	10° 19' 14"	104° 38' 39"	C-48-42-A-d
Kênh 3	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 05"	104° 37' 21"	10° 19' 21"	104° 38' 26"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
Kênh 4	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 15"	104° 37' 07"	10° 19' 39"	104° 37' 51"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
Kênh 5	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 52"	104° 39' 50"	10° 22' 10"	104° 35' 27"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
Kênh 6	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 50"	104° 36' 13"	10° 23' 17"	104° 38' 29"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
Kênh 7	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 09"	104° 35' 53"	10° 20' 29"	104° 36' 56"	C-48-42-A-c
Kênh 8	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 21"	104° 35' 27"	10° 21' 45"	104° 37' 02"	C-48-42-A-c
Kênh 9	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 50"	104° 45' 04"	10° 24' 06"	104° 37' 16"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
Kênh 400	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 21' 52"	104° 40' 36"	10° 18' 59"	104° 39' 07"	C-48-42-A-d
Kênh 1000	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 51"	104° 35' 14"	10° 17' 20"	104° 36' 56"	C-48-42-A-c
Kênh 2700	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 52"	104° 39' 19"	10° 20' 12"	104° 36' 54"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh C	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 39"	104° 37' 51"	10° 24' 19"	104° 40' 16"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Nhà Chung	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 18' 41"	104° 36' 26"	10° 20' 32"	104° 38' 02"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
kênh Nông Trường	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Núi Ông	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 03"	104° 35' 48"	10° 18' 41"	104° 35' 10"	C-48-42-A-c
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
kênh Ranh Kiên Tài	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 21' 53"	104° 40' 33"	10° 24' 47"	104° 39' 19"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Ranh Kiên Tài	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 22' 03"	104° 40' 20"	10° 19' 24"	104° 38' 58"	C-48-42-A-d
kênh T3	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 30' 23"	104° 45' 16"	10° 17' 19"	104° 38' 31"	C-48-42-A-d
kênh Tam Bản	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 19' 43"	104° 34' 54"	10° 17' 52"	104° 32' 37"	C-48-42-A-c
kênh Trà Phô	TV	xã Hòa Điền	H. Kiên Lương			10° 26' 16"	104° 36' 53"	10° 23' 52"	104° 41' 54"	C-48-42-A-b
ấp Cống Tre	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 18"	104° 39' 29"					C-48-42-A-d
ấp Kênh 9	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 22' 35"	104° 41' 16"					C-48-42-A-d
ấp Kiên Sơn	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 11"	104° 40' 38"					C-48-42-A-d
ấp Kiên Thanh	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 18' 46"	104° 39' 21"					C-48-42-A-d
ấp Lung Lớn	DC	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 07"	104° 43' 23"					C-48-42-A-d
Quốc lộ 80	KX	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-d
cầu Lung Lớn	KX	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 11"	104° 41' 58"					C-48-42-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu T5	KX	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương	10° 17' 07"	104° 44' 10"					C-48-42-A-d
Kênh 3	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 26' 06"	104° 48' 41"	10° 22' 30"	104° 46' 20"	C-48-42-B-a
Kênh 6	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 19' 56"	104° 40' 31"	10° 17' 26"	104° 44' 16"	C-48-42-A-d
Kênh 8	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 20' 32"	104° 40' 11"	10° 19' 43"	104° 41' 50"	C-48-42-A-d
Kênh 9	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 18' 50"	104° 45' 04"	10° 24' 06"	104° 37' 16"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c
Kênh 12	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 23' 00"	104° 41' 47"	10° 20' 34"	104° 45' 15"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b; C-48-42-B-c
Kênh 18	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 20' 11"	104° 43' 06"	10° 17' 12"	104° 42' 04"	C-48-42-A-d
Kênh 200	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 12' 18"	104° 53' 47"	10° 16' 54"	104° 40' 07"	C-48-42-A-d
Kênh 300	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 32"	104° 40' 10"	10° 17' 26"	104° 44' 23"	C-48-42-A-d
Kênh 500	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 21' 34"	104° 41' 02"	10° 18' 01"	104° 39' 13"	C-48-42-A-d
Kênh 750	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 02"	104° 42' 41"	10° 14' 44"	104° 42' 37"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
Kênh 1300	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 18' 02"	104° 38' 53"	10° 17' 58"	104° 41' 56"	C-48-42-A-d
Kênh 2700	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 18' 39"	104° 39' 13"	10° 18' 36"	104° 40' 51"	C-48-42-A-d
Kênh 1000	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 21' 24"	104° 41' 16"	10° 17' 50"	104° 41' 01"	C-48-42-A-d
kênh An Bình	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 12' 54"	104° 39' 08"	10° 16' 01"	104° 37' 23"	C-48-42-C-b
kênh Bộ Đội	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 11"	104° 42' 50"	10° 19' 03"	104° 43' 48"	C-48-42-A-d
kênh Cái Tre	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 16"	104° 39' 42"	10° 13' 08"	104° 39' 38"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Chi Cục	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 21' 34"	104° 45' 50"	10° 19' 16"	104° 44' 27"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c
Kênh Chùa	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 15' 43"	104° 39' 42"	10° 16' 47"	104° 38' 58"	C-48-42-A-d
kênh Cống Tre	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 13' 56"	104° 38' 52"	10° 17' 17"	104° 38' 59"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Lẩu Mắm	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 14' 04"	104° 40' 15"	10° 17' 05"	104° 40' 19"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Lung Kha Na	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 16' 49"	104° 38' 55"	10° 13' 55"	104° 37' 09"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Lung Lớn 1	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 12"	104° 41' 58"	10° 12' 37"	104° 41' 50"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Lung Lớn 2	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 15' 48"	104° 41' 55"	10° 09' 51"	104° 36' 29"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-A-d
kênh Ranh Kiên Tài	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 23' 00"	104° 41' 47"	10° 21' 34"	104° 41' 02"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Sao Làng	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 02"	104° 42' 16"	10° 14' 44"	104° 42' 12"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh T2	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 22' 07"	104° 47' 02"	10° 24' 46"	104° 42' 22"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh T3	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 30' 23"	104° 45' 16"	10° 17' 19"	104° 38' 31"	C-48-42-A-b; C-48-42-A-d
kênh T4	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 28' 28"	104° 47' 22"	10° 20' 11"	104° 43' 06"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tám Thước	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 11' 31"	104° 40' 35"	10° 16' 21"	104° 37' 09"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh TĐ2	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 16' 27"	104° 41' 57"	10° 16' 32"	104° 39' 43"	C-48-42-A-d
kênh TĐ5	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 14' 43"	104° 43' 01"	10° 14' 49"	104° 39' 42"	C-48-42-C-b
kênh Thời Trang	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 17' 16"	104° 40' 02"	10° 29' 20"	104° 46' 13"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Trục Giữa	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 20' 28"	104° 42' 40"	10° 23' 23"	104° 44' 09"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Võ Văn Kiệt	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 25' 30"	104° 49' 03"	10° 12' 53"	104° 42' 13"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
lạch Lũng Ôn	TV	xã Kiên Bình	H. Kiên Lương			10° 21' 06"	104° 40' 47"	10° 18' 09"	104° 42' 02"	C-48-42-A-d
ấp Đông Bình	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 21"	105° 18' 09"					C-48-43-D-c
ấp Đông Hưng	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 30"	105° 16' 38"					C-48-43-D-c
ấp Đông Thái	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 07' 43"	105° 18' 56"					C-48-43-D-a
ấp Kênh 9	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 04' 57"	105° 16' 36"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 10	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 05' 34"	105° 17' 30"					C-48-43-D-c
Khu phố A	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 45"	105° 16' 40"					C-48-43-D-c
Khu phố B	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 50"	105° 16' 59"					C-48-43-D-c
khu phố Đông An	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 07' 09"	105° 17' 07"					C-48-43-D-c
khu phố Đông Tiến	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 15"	105° 16' 28"					C-48-43-D-c
khu phố Kênh B	DC	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 08' 16"	105° 18' 15"					C-48-43-D-a
Quốc lộ 80	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Kênh 9	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 05' 40"	105° 15' 34"					C-48-43-D-c
cầu Kênh 10	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 25"	105° 16' 20"					C-48-43-D-c
cầu Kênh B	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 08' 24"	105° 18' 18"					C-48-43-D-a
chùa Giác Lâm	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 30"	105° 17' 56"					C-48-43-D-c
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 05' 56"	105° 15' 52"					C-48-43-D-c
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp	10° 06' 57"	105° 17' 07"					C-48-43-D-c
Kênh 1-5	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 17' 08"	10° 06' 19"	105° 16' 26"	C-48-43-D-c
Kênh 9	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 05' 41"	105° 15' 33"	10° 04' 17"	105° 17' 31"	C-48-43-D-c
Kênh 10B	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 06' 16"	105° 16' 39"	10° 05' 03"	105° 18' 14"	C-48-43-D-c
Kênh 19-5	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 08' 13"	105° 18' 27"	10° 06' 59"	105° 17' 13"	C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
Kênh 600	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 06' 13"	105° 16' 35"	10° 08' 08"	105° 18' 32"	C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
Kênh B	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 08' 25"	105° 18' 17"	10° 04' 57"	105° 21' 18"	C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
kênh Cái Sắn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-a
kênh Đầu Ngàn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 06' 03"	105° 15' 55"	10° 04' 38"	105° 17' 51"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 06' 39"	105° 16' 45"	10° 03' 53"	105° 20' 33"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 07' 19"	105° 17' 42"	10° 04' 46"	105° 21' 07"	C-48-43-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đầu Ngàn	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 07' 45"	105° 18' 08"	10° 06' 18"	105° 19' 26"	C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
kênh Đòn Dông	TV	TT. Tân Hiệp	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-D-c
ấp Kênh 2B	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 08' 00"	105° 12' 06"					C-48-43-C-b
ấp Kênh 4B	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 06' 21"	105° 10' 49"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 5B	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 05' 27"	105° 10' 06"					C-48-43-C-d
ấp Tân An	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 07' 41"	105° 10' 51"					C-48-43-C-b
ấp Tân Long	DC	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 06' 52"	105° 11' 58"					C-48-43-C-d
nhà thờ Hợp Châu	KX	xã Tân An	H. Tân Hiệp	10° 04' 56"	105° 10' 43"					C-48-43-C-d
Kênh 2	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 09' 03"	105° 10' 47"	10° 05' 34"	105° 15' 26"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 3	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 08' 10"	105° 10' 08"	10° 04' 49"	105° 14' 42"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 07' 16"	105° 09' 29"	10° 04' 02"	105° 13' 55"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 06' 18"	105° 08' 47"	10° 03' 18"	105° 13' 11"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 12' 35"	105° 13' 46"	10° 06' 37"	105° 09' 25"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 06' 49"	105° 09' 09"	10° 03' 38"	105° 13' 31"	C-48-43-C-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 07' 31"	105° 10' 06"	10° 04' 28"	105° 14' 15"	C-48-43-C-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 11' 22"	10° 06' 02"	105° 15' 47"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 05' 24"	105° 14' 48"	10° 08' 24"	105° 10' 44"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đòn Dông	TV	xã Tân An	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
ấp Kênh 2A	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 06' 38"	105° 14' 05"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 3A	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 05' 48"	105° 13' 24"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 4A	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 04' 53"	105° 12' 49"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 5A	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 04' 15"	105° 11' 51"					C-48-43-C-d
ấp Tân Quới	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 03' 49"	105° 13' 39"					C-48-43-C-d
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 05' 02"	105° 14' 49"					C-48-43-C-d
nhà thờ Tân Chu	KX	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp	10° 04' 10"	105° 11' 49"					C-48-43-C-d
Kênh 2	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 09' 03"	105° 10' 47"	10° 05' 34"	105° 15' 26"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 3	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 08' 10"	105° 10' 08"	10° 04' 49"	105° 14' 42"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 07' 16"	105° 09' 29"	10° 04' 02"	105° 13' 55"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 06' 18"	105° 08' 47"	10° 03' 18"	105° 13' 11"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 03' 29"	105° 12' 55"	10° 08' 41"	105° 18' 06"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Cái Sắn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 05' 24"	105° 14' 48"	10° 08' 24"	105° 10' 44"	C-48-43-C-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 11' 22"	10° 06' 02"	105° 15' 47"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 06' 49"	105° 09' 09"	10° 03' 38"	105° 13' 31"	C-48-43-C-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 07' 31"	105° 10' 06"	10° 04' 28"	105° 14' 15"	C-48-43-C-d
kênh Đòn Dông	TV	xã Tân Hiệp A	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
ấp Tân An	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 07' 54"	105° 17' 43"					C-48-43-D-a
ấp Tân Hà A	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 07' 17"	105° 15' 06"					C-48-43-C-b
ấp Tân Phát A	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 08' 10"	105° 15' 46"					C-48-43-D-a
ấp Tân Phát A	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 08' 31"	105° 17' 15"					C-48-43-D-a
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 06' 26"	105° 16' 14"					C-48-43-D-c
ấp Tân Phước	DC	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 09' 27"	105° 15' 52"					C-48-43-D-a
chùa Bửu Sơn	KX	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp	10° 07' 13"	105° 17' 04"					C-48-43-D-c
Kênh 1	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 09' 56"	105° 11' 26"	10° 06' 23"	105° 16' 16"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 600	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 03' 29"	105° 12' 55"	10° 08' 41"	105° 18' 06"	C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
Kênh A	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 11' 43"	105° 12' 43"	10° 07' 50"	105° 17' 43"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a
kênh Cái Sắn	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 11' 22"	10° 06' 02"	105° 15' 47"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a; C-48-43-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 06' 46"	105° 16' 39"	10° 10' 11"	105° 12' 01"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 11' 15"	105° 12' 23"	10° 07' 44"	105° 17' 09"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a
kênh Đòn Dông	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a
kênh Ze-rô	TV	xã Tân Hiệp B	H. Tân Hiệp			10° 10' 46"	105° 12' 02"	10° 07' 08"	105° 17' 01"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a; C-48-43-D-c
ấp Tân Hà B	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp	10° 09' 12"	105° 12' 23"					C-48-43-C-b
ấp Tân Hòa B	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp	10° 09' 34"	105° 13' 42"					C-48-43-C-b
ấp Tân Phát B	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp	10° 11' 02"	105° 13' 36"					C-48-43-C-b
ấp Tân Thành	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp	10° 10' 59"	105° 12' 14"					C-48-43-C-b
Kênh 1	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 09' 56"	105° 11' 26"	10° 06' 23"	105° 16' 16"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 300	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 10' 38"	105° 12' 12"	10° 12' 40"	105° 13' 40"	C-48-43-C-b
Kênh 600	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 12' 35"	105° 13' 46"	10° 07' 04"	105° 09' 46"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh A	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 11' 43"	105° 12' 43"	10° 07' 50"	105° 17' 43"	C-48-43-C-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 11' 15"	105° 12' 23"	10° 07' 44"	105° 17' 09"	C-48-43-C-b; C-48-43-D-a
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 06' 46"	105° 16' 39"	10° 10' 11"	105° 12' 01"	C-48-43-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 11' 22"	10° 06' 02"	105° 15' 47"	C-48-43-C-b
kênh Đòn Dông	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-D-a
kênh Ze-rô	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 10' 46"	105° 12' 02"	10° 07' 08"	105° 17' 01"	C-48-43-C-b
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Hiệp			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-b
ấp Đập Đá	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 07' 08"	105° 09' 37"					C-48-43-C-d
ấp Phú Hiệp	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 07' 20"	105° 07' 52"					C-48-43-C-d
ấp Phú Hòa	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 05' 58"	105° 08' 29"					C-48-43-C-d
ấp Phú Hội	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 06' 26"	105° 08' 56"					C-48-43-C-d
ấp Tân Hồng	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 09' 45"	105° 08' 45"					C-48-43-C-b
ấp Tân Hưng	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 08' 06"	105° 08' 14"					C-48-43-C-b
ấp Tân Lập	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 07' 51"	105° 09' 50"					C-48-43-C-b
ấp Tân Thọ	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 09' 06"	105° 09' 35"					C-48-43-C-b
ấp Tân Vụ	DC	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp	10° 08' 39"	105° 08' 31"					C-48-43-C-d
Kênh 3	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 08' 10"	105° 10' 08"	10° 04' 49"	105° 14' 42"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 07' 16"	105° 09' 29"	10° 04' 02"	105° 13' 55"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 06' 18"	105° 08' 47"	10° 03' 18"	105° 13' 11"	C-48-43-C-d
Kênh 500	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 08' 53"	10° 08' 20"	105° 07' 04"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 600	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 11' 20"	105° 11' 58"	10° 05' 17"	105° 07' 41"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 06' 35"	105° 09' 28"	10° 04' 57"	105° 08' 15"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 12' 35"	105° 13' 46"	10° 06' 37"	105° 09' 25"	C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
kênh Ba Vàng	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 05' 57"	105° 08' 31"	10° 07' 21"	105° 06' 39"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Đập Đá	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 07' 07"	105° 08' 47"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
kênh Hứa An	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 08' 51"	105° 10' 39"	10° 10' 38"	105° 08' 08"	C-48-43-C-b
kênh Huế Bá	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 08' 32"	105° 10' 25"	10° 10' 37"	105° 07' 33"	C-48-43-C-b
kênh Năm Vụ	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 07' 44"	105° 09' 50"	10° 09' 48"	105° 06' 50"	C-48-43-C-b
Kênh Ranh	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 06' 41"	105° 06' 20"	10° 07' 59"	105° 06' 55"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Thân Huyện	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 08' 08"	105° 10' 07"	10° 09' 51"	105° 07' 43"	C-48-43-C-b
kênh Thầy Thông	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 04' 28"	105° 09' 51"	10° 06' 41"	105° 06' 21"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Tư Tỷ	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 06' 31"	105° 08' 56"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-d
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	xã Tân Hội	H. Tân Hiệp			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-d; C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Thành	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 10' 35"	105° 11' 50"					C-48-43-C-b
ấp Chí Thành	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 10' 04"	105° 11' 28"					C-48-43-C-b
ấp Tân Lộc	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 10' 18"	105° 09' 49"					C-48-43-C-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 11' 42"	105° 09' 41"					C-48-43-C-b
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 09' 44"	105° 10' 55"					C-48-43-C-b
ấp Tân Tiến	DC	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp	10° 09' 00"	105° 10' 42"					C-48-43-C-b
Kênh 1	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 56"	105° 11' 26"	10° 06' 23"	105° 16' 16"	C-48-43-C-b
Kênh 2	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 03"	105° 10' 47"	10° 05' 34"	105° 15' 26"	C-48-43-C-b
Kênh 600	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 20"	105° 11' 58"	10° 05' 17"	105° 07' 41"	C-48-43-C-b
Kênh 600	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 12' 35"	105° 13' 46"	10° 07' 04"	105° 09' 46"	C-48-43-C-b
Kênh 900	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 29"	105° 11' 48"	10° 11' 24"	105° 11' 45"	C-48-43-C-b
Kênh 1200	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 36"	105° 11' 42"	10° 11' 09"	105° 11' 20"	C-48-43-C-b
Kênh 1500	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 43"	105° 11' 33"	10° 11' 15"	105° 11' 12"	C-48-43-C-b
Kênh 1800	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 50"	105° 11' 26"	10° 11' 41"	105° 11' 19"	C-48-43-C-b
Kênh 2400	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 12' 04"	105° 11' 11"	10° 11' 52"	105° 11' 02"	C-48-43-C-b
kênh Cả Cầm	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 49"	105° 11' 21"	10° 11' 47"	105° 08' 35"	C-48-43-C-b
kênh Chí Thành	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 10' 15"	105° 11' 39"	10° 12' 12"	105° 08' 58"	C-48-43-C-b
kênh Cống Xã	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 17"	105° 10' 57"	10° 11' 21"	105° 08' 12"	C-48-43-C-b
kênh Cựu Chiến Binh	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 10' 43"	105° 12' 00"	10° 12' 33"	105° 09' 16"	C-48-43-C-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 24"	105° 11' 45"	10° 10' 11"	105° 10' 50"	C-48-43-C-b
kênh Giáo Giỏi	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 09' 31"	105° 11' 08"	10° 10' 19"	105° 10' 17"	C-48-43-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Kiên Hảo	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 13' 11"	105° 09' 48"	10° 05' 12"	105° 02' 39"	C-48-43-C-b
kênh Xã Diễu	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 11' 04"	105° 12' 15"	10° 12' 51"	105° 09' 32"	C-48-43-C-b
kênh Ze-rô	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 10' 46"	105° 12' 02"	10° 07' 08"	105° 17' 01"	C-48-43-C-b
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	xã Tân Thành	H. Tân Hiệp			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-b
ấp Đá Nổi A	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 02' 56"	105° 17' 55"					C-48-43-D-c
ấp Đá Nổi B	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 04' 27"	105° 15' 46"					C-48-43-D-c
ấp Đông Lộc	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 05' 36"	105° 15' 32"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 9A	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 03' 56"	105° 18' 03"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 9B	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 04' 51"	105° 16' 40"					C-48-43-D-c
ấp Tân Hưng	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	9° 59' 55"	105° 19' 48"					C-48-43-D-c
ấp Tân Thạnh	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 01' 14"	105° 18' 58"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Lộc	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 01' 02"	105° 18' 58"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Tây	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 02' 27"	105° 19' 47"					C-48-43-D-c
Quốc lộ 80	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
cầu Kênh 9	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp	10° 05' 40"	105° 15' 34"					C-48-43-D-c
Kênh 10A	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 59"	105° 18' 11"	10° 03' 22"	105° 20' 18"	C-48-43-D-c
kênh 6 Rọc - Bà Ke	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 05' 05"	105° 14' 57"	10° 01' 53"	105° 19' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 9	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 05' 41"	105° 15' 33"	10° 02' 38"	105° 19' 51"	C-48-43-D-c
kênh Bốn Thước	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 01' 43"	105° 18' 04"	10° 01' 11"	105° 19' 00"	C-48-43-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Công Điền	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 03' 16"	105° 16' 33"	10° 01' 26"	105° 19' 09"	C-48-43-D-c
kênh Củ Sáu	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 02' 16"	105° 19' 38"	10° 00' 56"	105° 22' 56"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 04"	105° 17' 19"	10° 02' 24"	105° 19' 43"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 29"	105° 14' 51"	10° 00' 16"	105° 18' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 38"	105° 17' 51"	10° 02' 49"	105° 19' 35"	C-48-43-D-c
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh KH3-8	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 00' 36"	105° 18' 40"	9° 59' 39"	105° 20' 12"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
kênh Xã Trắc	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 01' 23"	105° 19' 07"	10° 00' 27"	105° 22' 39"	C-48-43-D-c
kênh Xáng Chưng Bầu	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Hiệp			10° 04' 57"	105° 21' 18"	9° 55' 46"	105° 14' 42"	C-48-55-B-a
ấp Đông Phước	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 04' 46"	105° 14' 44"					C-48-43-C-d
ấp Đông Thành	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 52"	105° 13' 51"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 7A	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 05"	105° 14' 11"					C-48-43-C-d
ấp Kênh 7B	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 01' 15"	105° 16' 01"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 8A	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 11"	105° 15' 23"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 8B	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 01' 30"	105° 17' 12"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh An 2	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	9° 59' 26"	105° 17' 56"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 00' 16"	105° 16' 55"					C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 80	KX	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
cầu Kinh 7	KX	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 39"	105° 13' 34"					C-48-43-C-d
cầu Kinh 8	KX	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 04' 20"	105° 14' 15"					C-48-43-C-d
chùa Đông Hải	KX	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp	10° 03' 57"	105° 13' 53"					C-48-43-D-c
kênh 6 Rọc - Bà Ke	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 05' 05"	105° 14' 57"	10° 01' 53"	105° 19' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Kênh 7	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 03' 40"	105° 13' 33"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
Kênh 8	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 04' 21"	105° 14' 14"	10° 00' 14"	105° 18' 26"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d
kênh Chưng Bầu	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 00' 02"	105° 17' 56"	10° 03' 31"	105° 13' 41"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 04' 29"	105° 14' 51"	10° 00' 16"	105° 18' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 03' 10"	105° 13' 04"	9° 59' 04"	105° 17' 18"	C-48-43-C-d
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Hội Đồng	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 00' 12"	105° 18' 25"	9° 56' 25"	105° 19' 15"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lung Bà Thôn	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			9° 59' 57"	105° 18' 26"	9° 59' 34"	105° 19' 20"	C-48-55-B-a
kênh Thạnh Trị	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 00' 44"	105° 16' 29"	9° 59' 50"	105° 14' 18"	C-48-43-D-c
kênh Xáng Chưng Bầu	TV	xã Thạnh Đông A	H. Tân Hiệp			10° 04' 57"	105° 21' 18"	9° 55' 46"	105° 14' 42"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
ấp Đông Hòa	DC	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp	10° 05' 52"	105° 20' 35"					C-48-43-D-c
ấp Đông Thạnh	DC	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp	10° 04' 45"	105° 20' 12"					C-48-43-D-c
ấp Kênh 10A	DC	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp	10° 04' 06"	105° 19' 17"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Đông	DC	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp	10° 04' 37"	105° 21' 04"					C-48-43-D-c
chấp Trà Vinh	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 54"	105° 21' 16"	10° 04' 24"	105° 21' 35"	C-48-43-D-c
Kênh 10A	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 59"	105° 18' 11"	10° 03' 22"	105° 20' 18"	C-48-43-D-c
Kênh B	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 08' 25"	105° 18' 17"	10° 04' 57"	105° 21' 18"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 06' 39"	105° 16' 45"	10° 03' 53"	105° 20' 33"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 07' 19"	105° 17' 42"	10° 04' 46"	105° 21' 07"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 08' 32"	105° 18' 55"	10° 05' 21"	105° 20' 59"	C-48-43-D-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 38"	105° 17' 51"	10° 02' 49"	105° 19' 35"	C-48-43-D-c
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-D-c
kênh Đông Bình	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 07' 08"	105° 17' 01"	10° 04' 18"	105° 20' 51"	C-48-43-D-c
kênh Huỳnh Kỳ	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 24"	105° 21' 35"	10° 01' 51"	105° 23' 27"	C-48-43-D-c
kênh Xáng Chưng Bầu	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 57"	105° 21' 18"	9° 55' 46"	105° 14' 42"	C-48-43-D-c
kênh Xáng Cờ Đỏ	TV	xã Thạnh Đông B	H. Tân Hiệp			10° 04' 28"	105° 21' 46"	10° 04' 05"	105° 20' 43"	C-48-43-D-c
ấp Đông Thọ	DC	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	10° 03' 34"	105° 13' 31"					C-48-43-C-d
ấp Đông Thọ A	DC	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	10° 02' 17"	105° 13° 36"					C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Đông Thọ B	DC	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	10° 01' 20"	105° 14' 11"					C-48-43-C-d
ấp Tàu Hơi A	DC	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	10° 00' 33"	105° 14' 03"					C-48-43-C-d
ấp Tàu Hơi B	DC	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	9° 58' 49"	105° 14' 39"					C-48-55-A-b
ấp Thạnh An 1	DC	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	9° 58' 13"	105° 17' 12"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Trị	DC	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	10° 00' 11"	105° 15' 26"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Trúc	DC	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	9° 58' 58"	105° 16' 30"					C-48-55-B-a
Quốc lộ 80	KX	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
Đường tỉnh 963	KX	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
cầu Kinh 7	KX	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	10° 03' 39"	105° 13' 34"					C-48-43-C-d
cầu Số 3 Lớn	KX	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	10° 03' 09"	105° 13' 05"					C-48-43-C-d
tịnh xá Ngọc Châu	KX	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp	10° 03' 27"	105° 13' 23"					C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 03' 08"	105° 13' 16"	10° 00' 48"	105° 14' 14"	C-48-43-C-d
Kênh 7	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 03' 40"	105° 13' 33"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
Kênh 11	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			9° 59' 31"	105° 16' 01"	10° 02' 12"	105° 13' 21"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
Kênh 12	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 35"	105° 12' 59"	9° 57' 54"	105° 15' 35"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 17	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			9° 59' 09"	105° 12' 42"	9° 57' 10"	105° 14' 45"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
Kênh 18	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 01' 19"	105° 11' 18"	9° 59' 32"	105° 13' 04"	C-48-55-A-b
Kênh 19	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 01' 48"	105° 11' 45"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-C-d
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c; C-48-55-A-b
kênh Cây Gòn	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 23"	105° 13' 11"	10° 00' 37"	105° 14' 00"	C-48-43-C-d
kênh Chưng Bầu	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 03' 10"	105° 13' 04"	9° 59' 04"	105° 17' 18"	C-48-43-C-d
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 00' 02"	105° 13' 32"	C-48-43-C-d; C-48-43-D-c
kênh Huyện Kiển	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 02' 43"	105° 13' 26"	9° 59' 56"	105° 12' 40"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh KH1	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Số 2	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 02' 19"	105° 12' 15"	10° 00' 34"	105° 14' 01"	C-48-43-C-d
kênh Tàu Hơi	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 01' 00"	105° 14' 10"	9° 58' 07"	105° 14' 37"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Thạnh Trị	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 44"	105° 16' 29"	9° 59' 50"	105° 14' 18"	C-48-43-D-c
kênh Thầy Ban	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 14"	105° 15' 31"	9° 57' 54"	105° 15' 35"	C-48-55-B-a
Kênh Tràm	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 00' 24"	105° 15' 54"	9° 57' 28"	105° 16' 32"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tư Oanh	TV	xã Thạnh Trị	H. Tân Hiệp			10° 02' 06"	105° 14' 21"	10° 01' 38"	105° 13' 54"	C-48-43-C-d
ấp An Hòa	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 39' 10"	105° 03' 15"					C-48-55-C-a
ấp An Hưng	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 34' 48"	105° 02' 25"					C-48-55-C-c
ấp An Thạnh	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 37' 01"	105° 02' 17"					C-48-55-C-c
ấp An Thoại	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 32' 59"	105° 03' 33"					C-48-55-C-c
ấp Công Sự	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 39' 36"	105° 08' 02"					C-48-55-C-b
ấp Kinh Năm	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 40' 10"	105° 02' 46"					C-48-55-C-a
ấp Kinh Tư	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 42' 37"	105° 04' 00"					C-48-55-C-a
ấp Minh Hưng	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 33' 57"	105° 02' 52"					C-48-55-C-c
ấp Minh Thoại	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 32' 11"	105° 02' 28"					C-48-55-C-c
ấp Minh Trung	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 40' 15"	105° 05' 24"					C-48-55-C-a
ấp Trung Đoàn	DC	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng	9° 39' 41"	105° 06' 07"					C-48-55-C-a
Đường tỉnh 965	KX	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 30"	105° 07' 11"	9° 36' 43"	105° 05' 39"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b; C-48-55-C-c; C-48-55-C-d
Đường tỉnh 965B	KX	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 02"	105° 02' 23"	9° 34' 33"	104° 51' 28"	C-48-55-C-c
Kênh 15	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 33' 45"	105° 04' 01"	9° 32' 07"	105° 03' 00"	C-48-55-C-c
Kênh 16	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 34' 36"	105° 03' 16"	9° 32' 42"	105° 02' 03"	C-48-55-C-c
Kênh 17A	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 35' 43"	105° 03' 15"	9° 35' 56"	105° 02' 13"	C-48-55-C-c
Kênh 17B	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 34' 42"	105° 02' 51"	9° 34' 51"	105° 02' 02"	C-48-55-C-c
Kênh 18	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 36' 47"	105° 03' 33"	9° 37' 02"	105° 02' 24"	C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 19	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 53"	105° 03' 52"	9° 38' 10"	105° 02' 31"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
Kênh 19 Nối Dài	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 35' 34"	105° 07' 28"	9° 37' 53"	105° 03' 52"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
Kênh 20	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 38' 57"	105° 04' 06"	9° 39' 16"	105° 02' 39"	C-48-55-C-a
Kênh 21	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 00"	105° 04' 28"	9° 40' 22"	105° 02' 50"	C-48-55-C-a
kênh Đê Bao Ngoài	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 42' 25"	105° 03' 58"	9° 42' 25"	105° 03' 58"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Đê Bao Trong	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 48"	105° 04' 25"	9° 39' 48"	105° 04' 25"	C-48-55-C-a
Kênh Hãng	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 02"	105° 02' 24"	9° 36' 42"	104° 56' 41"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 36' 15"	105° 03' 24"	9° 36' 27"	105° 02' 18"	C-48-55-C-c
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 20"	105° 03' 42"	9° 37' 35"	105° 02' 27"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 38' 24"	105° 04' 01"	9° 38' 43"	105° 02' 34"	C-48-55-C-a
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 30"	105° 04' 15"	9° 39' 49"	105° 02' 44"	C-48-55-C-a
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 34' 12"	105° 03' 39"	9° 32' 13"	105° 02' 19"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
Kênh Hậu	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 18"	105° 05' 20"	9° 40' 49"	105° 06' 18"	C-48-55-C-a
kênh Hậu 21-CA	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 00"	105° 04' 33"	9° 40' 46"	105° 02' 58"	C-48-55-C-a
kênh KT5	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 51"	105° 02' 40"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Lò Gạch	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 59"	105° 07' 26"	9° 38' 02"	105° 08' 03"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Mười Quang	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 37' 49"	105° 02' 28"	9° 41' 14"	104° 57' 19"	C-48-55-C-a
kênh Phán Linh	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 40"	105° 02' 55"	9° 43' 50"	104° 58' 15"	C-48-55-C-a
kênh Tàu Lũy	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 40' 40"	105° 02' 55"	9° 42' 25"	105° 03' 58"	C-48-55-C-a
kênh Xáng 1	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 32"	105° 04' 58"	9° 41' 05"	105° 05' 56"	C-48-55-C-a
kênh Xáng 2	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 39' 03"	105° 05' 41"	9° 40' 34"	105° 06' 39"	C-48-55-C-a
kênh Xáng 3	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 38' 28"	105° 06' 27"	9° 39' 57"	105° 07' 24"	C-48-55-C-a
kênh Xáng Cùng	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 32' 29"	105° 01' 52"	9° 33' 35"	105° 00' 04"	C-48-55-C-c
kênh Xáng Đội 2	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 36' 17"	105° 02' 16"	9° 36' 12"	104° 59' 17"	C-48-55-C-c
kênh Xáng Tư	TV	xã An Minh Bắc	H. U Minh Thượng			9° 38' 58"	105° 07' 49"	9° 37' 59"	105° 07' 11"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
ấp Chống Mỹ	DC	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 41' 05"	105° 11' 46"					C-48-55-C-b
ấp Dân Quân	DC	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 40' 11"	105° 12' 00"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Chánh	DC	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 43' 35"	105° 11' 51"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Hiệp	DC	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 40' 44"	105° 13' 43"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Hưng	DC	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 42' 12"	105° 11' 05"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Lập	DC	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 41' 26"	105° 14' 07"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Tân	DC	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 43' 02"	105° 12' 46"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Trung	DC	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 42' 01"	105° 12' 34"					C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chợ Nhà Ngang	KX	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 41' 27"	105° 14' 16"					C-48-55-C-b
chùa Phổ Minh	KX	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 40' 58"	105° 13' 56"					C-48-55-C-b
đình Thầy Quơn	KX	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 43' 08"	105° 12' 10"					C-48-55-C-b
hội quán Hưng Hòa Tự	KX	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng	9° 41' 25"	105° 14' 12"					C-48-55-C-b
kênh Ba Suối	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 42' 26"	105° 11' 26"	9° 40' 55"	105° 10' 34"	C-48-55-C-b
kênh Bộ Lợi	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 38"	105° 11' 48"	9° 41' 47"	105° 11' 06"	C-48-55-C-b
kênh Chệt Tệt	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 35"	105° 13' 45"	9° 40' 04"	105° 12' 28"	C-48-55-C-b
kênh Chín Đào	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 15"	105° 12' 08"	9° 42' 10"	105° 12' 38"	C-48-55-C-b
kênh Chống Mỹ	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 12"	105° 11' 16"	9° 41' 41"	105° 11' 35"	C-48-55-C-b
kênh Dân Quân	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 38' 32"	105° 11' 34"	9° 40' 12"	105° 11' 17"	C-48-55-C-b
kênh Gò Đất 2	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 16"	105° 10' 16"	9° 41' 51"	105° 09' 27"	C-48-55-C-b
kênh Hai Ích	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 21"	105° 10' 12"	9° 43' 47"	105° 11' 38"	C-48-55-C-b
Kênh Lẫm	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 39' 55"	105° 11' 22"	9° 40' 22"	105° 12' 23"	C-48-55-C-b
kênh Lộ Mới	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 38' 28"	105° 14' 44"	9° 41' 13"	105° 13' 47"	C-48-55-C-b
Kênh Lũng	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 41"	105° 13' 43"	9° 40' 16"	105° 12' 25"	C-48-55-C-b
Kênh Mới	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 34"	105° 09' 25"	9° 41' 42"	105° 10' 48"	C-48-55-C-b
kênh Năm Khum	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 53"	105° 13' 05"	9° 42' 34"	105° 14' 26"	C-48-55-C-b
kênh Ngã Cái	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 43' 09"	105° 12' 12"	9° 43' 03"	105° 11' 32"	C-48-55-C-b
Kênh Ngây	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 12"	105° 11' 18"	9° 40' 37"	105° 12' 16"	C-48-55-C-b
kênh Nhà Ngang	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 37"	105° 12' 16"	9° 41' 30"	105° 14' 16"	C-48-55-C-b
kênh Rọc Năng	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 50"	105° 12' 03"	9° 41' 11"	105° 13' 16"	C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Rọc Ráng	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 10"	105° 12' 00"	9° 41' 36"	105° 13' 14"	C-48-55-C-b
kênh Sáu Phú	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 39' 50"	105° 13' 13"	9° 39' 18"	105° 11' 31"	C-48-55-C-b
kênh Tám Đài	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 40' 37"	105° 12' 16"	9° 43' 31"	105° 12' 11"	C-48-55-C-b
kênh Thầy Chín	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 39' 50"	105° 13' 13"	9° 41' 13"	105° 13' 47"	C-48-55-C-b
kênh Thông Hòa	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 42"	105° 10' 48"	9° 42' 50"	105° 12' 00"	C-48-55-C-b
kênh Vĩnh Thái	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 58"	105° 10' 02"	9° 39' 35"	105° 08' 06"	C-48-55-C-b
kênh Xẻo Cui	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 54"	105° 13' 18"	9° 43' 02"	105° 13' 18"	C-48-55-C-b
rạch Đìa Chồn	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 41' 11"	105° 11' 59"	9° 41' 03"	105° 11' 30"	C-48-55-C-b
sông Cái Lớn	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b
sông Ngã Ba Cái Tàu	TV	xã Hòa Chánh	H. U Minh Thượng			9° 35' 52"	105° 22' 17"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-C-b
ấp Chống Mỹ	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 32' 29"	105° 09' 54"					C-48-55-C-d
ấp Kinh Sáu	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 36' 05"	105° 08' 28"					C-48-55-C-d
ấp Minh Cường	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 34' 43"	105° 10' 37"					C-48-55-C-d
ấp Minh Cường A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 35' 28"	105° 11' 08"					C-48-55-C-d
ấp Minh Dũng	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 33' 56"	105° 08' 21"					C-48-55-C-d
ấp Minh Dũng A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 34' 59"	105° 08' 34"					C-48-55-C-d
ấp Minh Kiên	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 32' 53"	105° 07' 53"					C-48-55-C-d
ấp Minh Kiên A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 31' 46"	105° 07' 47"					C-48-55-C-d
ấp Minh Tân	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 36' 30"	105° 09' 46"					C-48-55-C-d
ấp Minh Tân A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 36' 25"	105° 10' 31"					C-48-55-C-d
ấp Minh Thành	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 30' 39"	105° 07' 25"					C-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Minh Thành A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 30' 18"	105° 06' 55"					C-48-55-C-d
ấp Minh Thượng	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 31' 59"	105° 04' 14"					C-48-55-C-c
ấp Minh Thượng A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 31' 36"	105° 05' 16"					C-48-55-C-c
ấp Minh Thượng B	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 31' 00"	105° 06' 10"					C-48-55-C-c
ấp Minh Tiến	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 36' 53"	105° 09' 11"					C-48-55-C-d
ấp Minh Tiến A	DC	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 38' 18"	105° 08' 28"					C-48-55-C-d
Quốc lộ 63	KX	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
Đường tỉnh 965	KX	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 40' 30"	105° 07' 11"	9° 36' 43"	105° 05' 39"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b; C-48-55-C-c; C-48-55-C-d
cầu Minh Thuận	KX	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng	9° 32' 51"	105° 09' 28"					C-48-55-C-d
Kênh 2	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 29' 20"	105° 13' 57"	9° 32' 52"	105° 09' 27"	C-48-55-C-d
Kênh 5	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 37' 12"	105° 07' 48"	9° 37' 11"	105° 08' 21"	C-48-55-C-d
Kênh 6	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 06"	105° 07' 34"	9° 36' 03"	105° 08' 48"	C-48-55-C-d
Kênh 7	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 35' 02"	105° 07' 26"	9° 34' 59"	105° 09' 11"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c
Kênh 8	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 33' 56"	105° 07' 12"	9° 33' 54"	105° 09' 23"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c
Kênh 9	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 32' 56"	105° 06' 59"	9° 32' 52"	105° 09' 27"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 9 Lớn	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 26' 57"	105° 11' 29"	9° 30' 15"	105° 06' 11"	C-48-55-C-c; C-48-67-A-a; C-48-67-A-b
Kênh 10	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 31' 46"	105° 06' 44"	9° 31' 43"	105° 09' 30"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c
Kênh 11 Rừng	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 31' 01"	105° 06' 12"	9° 30' 39"	105° 08' 46"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-c
Kênh 12 Rừng	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 31' 23"	105° 06' 25"	9° 30' 13"	105° 05' 43"	C-48-55-C-c
Kênh 13	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 27' 43"	105° 12' 16"	9° 30' 11"	105° 08' 20"	C-48-55-C-d
Kênh 13 Rừng	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 32' 10"	105° 05' 36"	9° 30' 47"	105° 04' 45"	C-48-55-C-c
Kênh 14	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 27' 56"	105° 12' 30"	9° 30' 32"	105° 08' 41"	C-48-55-C-d
Kênh 14	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 32' 57"	105° 04' 49"	9° 31' 22"	105° 03' 47"	C-48-55-C-c
Kênh 19 Nối Dài	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 35' 34"	105° 07' 28"	9° 37' 53"	105° 03' 52"	C-48-55-C-c
Kênh 8000	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 28' 44"	105° 08' 06"	9° 34' 58"	105° 12' 00"	C-48-55-C-d
kênh Ấp Khân	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 38' 58"	105° 08' 42"	9° 37' 31"	105° 08' 14"	C-48-55-C-b
kênh Chống Mỹ	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 34' 22"	105° 10' 25"	9° 32' 23"	105° 09' 58"	C-48-55-C-d
kênh Cơ Đê 2	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 35' 55"	105° 08' 54"	9° 34' 22"	105° 10' 25"	C-48-55-C-d
kênh Công Điền	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 33' 59"	105° 12' 47"	9° 34' 17"	105° 11' 16"	C-48-55-C-d
kênh Đất Cấp	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 23"	105° 10' 34"	9° 34' 11"	105° 10' 43"	C-48-55-C-d
kênh Đê Bao Ngoài	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 42' 25"	105° 03' 58"	9° 42' 25"	105° 03' 58"	C-48-55-C-c
kênh Đê Bao Trong	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 39' 48"	105° 04' 25"	9° 39' 48"	105° 04' 25"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-a; C-48-55-C-b; C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đường Đào	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 29' 37"	105° 07' 13"	9° 29' 24"	105° 06' 57"	C-48-67-A-a
Kênh Hậu	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 32' 34"	105° 05' 12"	9° 31' 05"	105° 04' 16"	C-48-55-C-c
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lò Gạch	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 39' 59"	105° 07' 26"	9° 38' 02"	105° 08' 03"	C-48-55-C-b
kênh Lục Út	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 05"	105° 11' 09"	9° 33' 54"	105° 11' 12"	C-48-55-C-d
kênh Năm Huyện Đội	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 35' 45"	105° 09' 36"	9° 33' 52"	105° 11' 15"	C-48-55-C-d
kênh Ranh Hạt	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 30' 28"	105° 05' 12"	9° 24' 01"	105° 15' 38"	C-48-55-C-c; C-48-67-A-a; C-48-67-A-b
kênh Thủy Lợi	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 45"	105° 08' 36"	9° 38' 23"	105° 09' 05"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
Kênh Tư	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 29' 55"	105° 06' 43"	9° 29' 43"	105° 06' 26"	C-48-67-A-a
kênh Từng Thơm	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 37' 41"	105° 09' 27"	9° 35' 52"	105° 08' 53"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Xáng Tư	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 38' 58"	105° 07' 49"	9° 37' 59"	105° 07' 11"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Xóm Bắc	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 36' 46"	105° 08' 32"	9° 36' 18"	105° 10' 59"	C-48-55-C-d
lung Ốc Bạch	TV	xã Minh Thuận	H. U Minh Thượng			9° 34' 37"	105° 12' 17"	9° 35' 30"	105° 11' 36"	C-48-55-C-d
ấp Bờ Dừa	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 44' 25"	105° 10' 33"					C-48-55-C-b
ấp Cạn Ngọn	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 41' 48"	105° 08' 50"					C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cạn Ngọn A	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 40' 53"	105° 06' 39"					C-48-55-C-b
ấp Cạn Vàm	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 44' 05"	105° 09' 57"					C-48-55-C-b
ấp Cạn Vàm A	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 42' 23"	105° 09' 15"					C-48-55-C-b
ấp Đặng Văn Do	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 40' 06"	105° 07' 43"					C-48-55-C-b
ấp Xẻo Kè	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 44' 17"	105° 10' 39"					C-48-55-C-b
ấp Xẻo Kè A	DC	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 42' 57"	105° 10' 34"					C-48-55-C-b
Quốc lộ 63	KX	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
Đường tỉnh 966	KX	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 40' 20"	105° 07' 27"	9° 49' 44"	105° 04' 29"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
chùa Xẻo Cạn	KX	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng	9° 43' 06"	105° 09' 51"					C-48-55-C-b
Kênh 3	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 40' 43"	105° 09' 50"	9° 42' 08"	105° 07' 31"	C-48-55-C-b
kênh Bờ Dừa	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 43' 59"	105° 10' 48"	9° 44' 36"	105° 10' 18"	C-48-55-C-b
kênh Cây Dong	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 14"	105° 09' 01"	9° 42' 12"	105° 09' 42"	C-48-55-C-b
kênh Cựa Gà	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 44' 48"	105° 10' 11"	9° 43' 34"	105° 08' 59"	C-48-55-C-b
kênh Gò Đất 1	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 42' 12"	105° 09' 42"	9° 41' 42"	105° 10' 24"	C-48-55-C-b
kênh Gò Đất 2	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 16"	105° 10' 16"	9° 41' 51"	105° 09' 27"	C-48-55-C-b
kênh Gọ Rùa	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 43' 08"	105° 11' 13"	9° 43' 22"	105° 10' 48"	C-48-55-C-b
kênh Hai Ích	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 21"	105° 10' 12"	9° 43' 47"	105° 11' 38"	C-48-55-C-b
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 42' 55"	105° 09' 47"	9° 44' 15"	105° 11' 02"	C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Me Nước	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 42' 06"	105° 09' 02"	9° 42' 36"	105° 07' 59"	C-48-55-C-b
kênh Năm Châu	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 43' 34"	105° 08' 59"	9° 42' 02"	105° 07' 24"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Năm Đầy	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 53"	105° 09' 29"	9° 42' 06"	105° 09' 02"	C-48-55-C-b
kênh Rạch Vườn	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 43' 33"	105° 09' 02"	9° 43' 03"	105° 08' 51"	C-48-55-C-b
Kênh Tư	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 40' 37"	105° 09' 27"	9° 41' 17"	105° 08' 18"	C-48-55-C-b
kênh Tư Khương	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 30"	105° 09' 12"	9° 41' 00"	105° 09' 57"	C-48-55-C-b
kênh Vĩnh Thái	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 41' 58"	105° 10' 02"	9° 39' 35"	105° 08' 06"	C-48-55-C-b
kênh Xẻo Cạn	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 44' 42"	105° 10' 20"	9° 40' 20"	105° 07' 26"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Xẻo Kè	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 44' 03"	105° 11' 17"	9° 41' 58"	105° 10' 02"	C-48-55-C-b
sông Cái Lớn	TV	xã Thạnh Yên	H. U Minh Thượng			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b
ấp Hỏa Ngọn	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 43' 32"	105° 07' 52"					C-48-55-C-a
ấp Hỏa Ngọn A	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 43' 59"	105° 07' 02"					C-48-55-C-a
ấp Hỏa Vàm	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 45' 24"	105° 08' 46"					C-48-55-A-d
ấp Hỏa Vàm A	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 44' 58"	105° 08' 46"					C-48-55-A-d
ấp Lê Minh Bằng	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 42' 19"	105° 05' 57"					C-48-55-C-a
ấp Xẻo Lùng	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 44' 39"	105° 09' 24"					C-48-55-C-b
ấp Xẻo Lùng A	DC	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 44' 09"	105° 08' 31"					C-48-55-C-b
Quốc lộ 63	KX	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-a
Đường tỉnh 966	KX	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 40' 20"	105° 07' 27"	9° 49' 44"	105° 04' 29"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b; C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Bốn Thước	KX	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 41' 41"	105° 05' 26"					C-48-55-C-a
Trại giam Kênh 7	KX	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng	9° 41' 56"	105° 06' 19"					C-48-55-C-a
Kênh 50	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 43"	105° 03' 52"	9° 44' 23"	105° 07' 35"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Bà Hương	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 23"	105° 07' 35"	9° 44' 32"	105° 08' 49"	C-48-55-C-b
kênh Ba Sáng Mới	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 42' 56"	105° 06' 22"	9° 42' 07"	105° 07' 30"	C-48-55-C-a
kênh Bốn Thước	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 58"	105° 06' 28"	9° 41' 41"	105° 05' 25"	C-48-55-C-a
kênh Bụi Gừa	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 12"	105° 06' 00"	9° 43' 13"	105° 08' 00"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Cựa Gà	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 48"	105° 10' 11"	9° 43' 34"	105° 08' 59"	C-48-55-C-b
kênh Hai Ánh	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 17"	105° 08' 00"	9° 42' 38"	105° 08' 02"	C-48-55-C-b
kênh Hai Công	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 45' 41"	105° 06' 57"	9° 46' 09"	105° 08' 34"	C-48-55-A-d
kênh Hóc Hỏa	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 28"	105° 08' 49"	9° 45' 47"	105° 08' 48"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-b
kênh Lẫm Thiết	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 10"	105° 04' 52"	9° 44' 28"	105° 08' 49"	C-48-55-C-b
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-a
kênh Liên Lạc	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 45"	105° 08' 49"	9° 44' 37"	105° 09' 48"	C-48-55-C-b
kênh Lung Bà Cối	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 36"	105° 08' 05"	9° 43' 47"	105° 08' 54"	C-48-55-C-b
kênh Lý Thông	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 44' 57"	105° 07' 17"	9° 45' 00"	105° 08' 49"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Miểu Ông Tà	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 13"	105° 08' 00"	9° 43' 52"	105° 08' 09"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Năm Châu	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 34"	105° 08' 59"	9° 42' 02"	105° 07' 24"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-b
kênh Thứ Hai	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 45' 29"	105° 08' 48"	9° 49' 46"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Trâu Chết	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 34"	105° 08' 59"	9° 44' 28"	105° 08' 49"	C-48-55-C-b
kênh Từ Cúc	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 57"	105° 07' 40"	9° 43' 13"	105° 07' 35"	C-48-55-C-b
kênh Xẻo Lùng	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 47"	105° 08' 54"	9° 44' 51"	105° 10' 05"	C-48-55-C-b
lung Xẻo Đước	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 43' 56"	105° 07' 46"	9° 45' 20"	105° 07' 07"	C-48-55-C-b
sông Cái Lớn	TV	xã Thạnh Yên A	H. U Minh Thượng			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b; C-48-55-A-d
ấp Cây Bàng	DC	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng	9° 39' 27"	105° 09' 42"					C-48-55-C-b
ấp Hòa Bình	DC	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng	9° 40' 39"	105° 09' 28"					C-48-55-C-b
ấp Lô 12	DC	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng	9° 38' 44"	105° 10' 26"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng	9° 39' 00"	105° 08' 44"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng	9° 40' 07"	105° 11' 11"					C-48-55-C-b
ấp Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng	9° 38' 18"	105° 09' 41"					C-48-55-C-b
Quốc lộ 63	KX	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
Kênh 3	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 40' 43"	105° 09' 50"	9° 42' 08"	105° 07' 31"	C-48-55-C-b
kênh Ba Hớn	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 38' 40"	105° 10' 56"	9° 36' 26"	105° 10' 16"	C-48-55-C-b
kênh Cây Bàng	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 39' 32"	105° 09' 17"	9° 38' 45"	105° 09' 48"	C-48-55-C-b
kênh Chống Mỹ	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 40' 12"	105° 11' 16"	9° 41' 41"	105° 11' 35"	C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 38' 32"	105° 11' 34"	9° 40' 12"	105° 11' 17"	C-48-55-C-b
Kênh Giữa	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 38' 48"	105° 10' 17"	9° 39' 18"	105° 11' 31"	C-48-55-C-b
kênh Gò Đất 2	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 41' 16"	105° 10' 16"	9° 41' 51"	105° 09' 27"	C-48-55-C-b
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Lô 12	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 38' 25"	105° 12' 08"	9° 38' 45"	105° 09' 48"	C-48-55-C-b
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 40' 34"	105° 09' 25"	9° 41' 42"	105° 10' 48"	C-48-55-C-b
Kênh Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 39' 32"	105° 09' 17"	9° 40' 34"	105° 09' 25"	C-48-55-C-b
kênh Sáu Sanh	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 39' 29"	105° 09' 40"	9° 40' 12"	105° 11' 18"	C-48-55-C-b
kênh Tám Mang	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 38' 40"	105° 10' 56"	9° 38' 03"	105° 10' 46"	C-48-55-C-b
Kênh Tư	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 40' 37"	105° 09' 27"	9° 41' 17"	105° 08' 18"	C-48-55-C-b
kênh Tư Khương	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 41' 30"	105° 09' 12"	9° 41' 00"	105° 09' 57"	C-48-55-C-b
kênh Tư Tôn	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 38' 24"	105° 10' 17"	9° 38' 03"	105° 10' 46"	C-48-55-C-b
kênh Vĩnh Thái	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 41' 58"	105° 10' 02"	9° 39' 35"	105° 08' 06"	C-48-55-C-b
kênh Vĩnh Tiến	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 38' 45"	105° 09' 48"	9° 37' 41"	105° 09' 27"	C-48-55-C-b
lung Bà Tư Được	TV	xã Vĩnh Hòa	H. U Minh Thượng			9° 40' 02"	105° 08' 28"	9° 39' 02"	105° 08' 40"	C-48-55-C-b
khu phố Vĩnh Đông 1	DC	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 46"	105° 15' 30"					C-48-55-D-c
khu phố Vĩnh Đông 2	DC	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 40"	105° 15' 25"					C-48-55-D-c
khu phố Vĩnh Phước 1	DC	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 33"	105° 15' 08"					C-48-55-C-d
khu phố Vĩnh Phước 2	DC	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 45"	105° 15' 17"					C-48-55-D-c
cầu Vĩnh Thuận	KX	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 38"	105° 15' 17"					C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cống Bà Bang	KX	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 42"	105° 14' 22"					C-48-67-A-b
miếu Ông Tà	KX	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 48"	105° 16' 26"					C-48-67-B-a
Quốc lộ 63	KX	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b; C-48-55-D-c
Kênh 1000	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 04"	105° 14' 55"	9° 30' 33"	105° 14' 24"	C-48-55-C-d
Kênh 500	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 33"	105° 13' 24"	C-48-55-C-d
kênh Bà Đầm	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 28"	105° 16' 27"	9° 31' 46"	105° 16' 27"	C-48-55-D-c
kênh Cạnh Đền - Phó Sinh	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 38"	105° 17' 29"	9° 30' 46"	105° 15' 26"	C-48-55-D-c; C-48-67-B-a
kênh Đường Sân	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 39"	105° 15' 53"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Làng Thứ Bảy	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Lung Lớn	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 48"	105° 16' 04"	9° 28' 04"	105° 13' 52"	C-48-67-B-a
kênh Rọc Môn	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 19"	105° 15' 52"	9° 30' 27"	105° 17' 56"	C-48-55-D-c
kênh Ruột Xã	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 44"	105° 16' 25"	9° 25' 03"	105° 14' 00"	C-48-67-B-a
kênh Thân Đối	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 50"	105° 15' 54"	9° 30' 06"	105° 14' 45"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Thủy Lợi	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 54"	105° 16' 27"	9° 30' 19"	105° 15' 52"	C-48-55-D-c
kênh Thủy Lợi	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 42"	105° 15' 16"	9° 31' 04"	105° 14' 55"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xáng Chắc Băng	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c; C-48-67-A-b
rạch Miếu Ông Tà	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 38"	105° 15' 51"	9° 29' 38"	105° 16' 22"	C-48-67-B-a
rạch Rọc Môn	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 20"	105° 16' 26"	9° 30' 21"	105° 15' 54"	C-48-55-D-c
rạch Xẻo Gỗ	TV	TT. Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 14"	105° 15' 54"	9° 33' 31"	105° 18' 17"	C-48-55-D-c
ấp Bình Minh	DC	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 15"	105° 11' 05"					C-48-55-C-d
ấp Bời Lời B	DC	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 58"	105° 12' 50"					C-48-55-C-d
ấp Cái Nứa	DC	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận	9° 35' 59"	105° 13' 41"					C-48-55-C-d
Quốc lộ 63	KX	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-d
Kênh 4 Thước	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 03"	105° 12' 51"	9° 33' 59"	105° 12' 47"	C-48-55-C-d
Kênh 500	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 33"	105° 13' 24"	C-48-55-C-d
kênh Bộ Đạm	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 15"	105° 14' 59"	9° 32' 17"	105° 14' 39"	C-48-55-C-d
kênh Bời Lời	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 32"	9° 33' 15"	105° 14' 59"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Cả Chợ	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 17"	105° 14' 39"	9° 33' 59"	105° 12' 47"	C-48-55-C-d
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 18"	105° 11' 00"	9° 36' 00"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lô A Nhỏ	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 52"	105° 12' 34"	9° 36' 02"	105° 13' 19"	C-48-55-C-d
kênh Lung Năng	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 35' 08"	105° 13' 27"	9° 35' 25"	105° 14' 28"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Năm Thành	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 20"	105° 14' 17"	9° 32' 50"	105° 14' 01"	C-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Nhà Đồng	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 41"	105° 12' 48"	9° 34' 43"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Phủ Nhựt	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 23"	105° 15' 16"	9° 33' 59"	105° 12' 47"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Thầy Ký	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 02"	105° 13' 29"	9° 34' 01"	105° 13' 26"	C-48-55-C-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 50"	105° 15' 02"	9° 33' 56"	105° 14' 01"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Tư Hối	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 00"	105° 16' 29"	9° 33' 31"	105° 14' 33"	C-48-55-C-d
kênh Tư Quyều	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 02"	105° 14' 01"	9° 38' 31"	105° 13' 27"	C-48-55-C-d
kênh Xã Đại	TV	xã Bình Minh	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 38"	105° 12' 22"	9° 36' 03"	105° 12' 23"	C-48-55-C-d
ấp Cái Chanh	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 33"	105° 19' 16"					C-48-55-D-c
ấp Cái Nhum	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 33"	105° 17' 18"					C-48-55-D-c
ấp Ruộng Sạ 2	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 27"	105° 16' 44"					C-48-67-B-a
ấp Thạnh Đông	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 26"	105° 18' 16"					C-48-55-D-c
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 28"	105° 17' 15"					C-48-55-D-c
cầu Bến Luông	KX	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 41"	105° 19' 08"					C-48-55-D-c
chùa Chắc Băng	KX	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 24"	105° 17' 16"					C-48-55-D-c
kênh Bà Đầm	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 28"	105° 16' 27"	9° 31' 46"	105° 16' 27"	C-48-55-D-c
kênh Ba Lường	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 29"	105° 17' 14"	9° 31' 50"	105° 17' 00"	C-48-55-D-c
kênh Cạnh Đền - Phó Sinh	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 38"	105° 17' 29"	9° 30' 46"	105° 15' 26"	C-48-67-B-a
kênh Cống Chùa	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 26"	105° 18' 01"	9° 32' 35"	105° 17' 18"	C-48-55-D-c
kênh Ông Ký	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 54"	105° 16' 27"	9° 32' 09"	105° 17' 17"	C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ông Sãi	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 10"	105° 17' 47"	9° 32' 26"	105° 18' 33"	C-48-55-D-c
kênh Rọc Môn	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 19"	105° 15' 52"	9° 30' 27"	105° 17' 56"	C-48-55-D-c
kênh So Le	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 27"	105° 18' 33"	9° 33' 28"	105° 18' 13"	C-48-55-D-c
kênh Xáng Chắc Băng	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-55-D-c
sông Cái Chanh Bé	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 12"	105° 17' 25"	9° 30' 27"	105° 17' 56"	C-48-55-D-c; C-48-67-B-a
sông Cái Chanh Lớn	TV	xã Phong Đông	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 27"	105° 17' 56"	9° 33' 31"	105° 18' 19"	C-48-55-D-c; C-48-67-B-a
ấp Kinh 1	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 03"	105° 11' 51"					C-48-55-C-d
ấp Kinh 1A	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 00"	105° 12' 52"					C-48-55-C-d
ấp Kinh 2	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 31' 12"	105° 11' 28"					C-48-55-C-d
ấp Kinh 2A	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 20"	105° 12' 44"					C-48-55-C-d
ấp Lò Rèn	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 13"	105° 11' 55"					C-48-55-C-d
ấp Thắng Lợi	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 34' 08"	105° 12' 03"					C-48-55-C-d
ấp Vĩnh Lộc 1	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 39"	105° 14' 15"					C-48-55-C-d
ấp Vĩnh Lộc 2	DC	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 31"	105° 13' 48"					C-48-55-C-d
Kênh 1	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 07"	105° 14' 45"	9° 33' 41"	105° 11' 07"	C-48-55-C-d
Kênh 2	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 20"	105° 13' 57"	9° 32' 52"	105° 09' 27"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 500	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 33"	105° 13' 24"	C-48-55-C-d
Kênh 4000	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 05"	105° 12' 22"	9° 29' 12"	105° 10' 39"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 8000	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 44"	105° 08' 06"	9° 34' 58"	105° 12' 00"	C-48-55-C-d
kênh Cô Bạch	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 46"	105° 11' 52"	9° 35' 30"	105° 11' 36"	C-48-55-C-d
Kênh Giữa	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 07"	105° 13' 21"	9° 34' 02"	105° 11' 22"	C-48-55-C-d
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lò Rèn	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 45"	105° 14' 22"	9° 33' 16"	105° 10' 49"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
kênh Thủy Lợi 1	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 43"	105° 12' 43"	9° 32' 52"	105° 10' 32"	C-48-55-C-d
kênh Xáng Chắc Băng	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Lung Rộc	TV	xã Tân Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 01"	105° 11' 41"	9° 31' 31"	105° 10' 58"	C-48-55-C-d
ấp Ba Đình	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 38' 23"	105° 17' 05"					C-48-55-D-a
ấp Bình Hòa	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 39' 36"	105° 13' 58"					C-48-55-C-b
ấp Bình Minh	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 21"	105° 11' 01"					C-48-55-C-d
ấp Đồng Tranh	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 11"	105° 15' 23"					C-48-55-D-c
ấp Hiệp Hòa	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 38' 03"	105° 13' 34"					C-48-55-C-b
ấp Hòa Thạnh	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 13"	105° 12' 24"					C-48-55-C-b
ấp Nước Chảy	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 58"	105° 16' 11"					C-48-55-D-a
ấp Tân Bình	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 01"	105° 16' 32"					C-48-55-D-c
ấp Xẻo Gia	DC	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 40' 47"	105° 15' 28"					C-48-55-D-a
Quốc lộ 63	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-d
chợ Ba Đình	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 38' 21"	105° 17' 29"					C-48-55-D-a
chợ Kè Một	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 38' 28"	105° 13' 26"					C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Đồng Tranh	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 44"	105° 15' 36"					C-48-55-D-c
miếu Nước Chảy	KX	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận	9° 37' 50"	105° 16' 32"					C-48-55-D-a
kênh Ba Hớn	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 40"	105° 10' 56"	9° 36' 26"	105° 10' 16"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Bảy Quẹo	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 06"	105° 12' 13"	9° 38' 31"	105° 13' 16"	C-48-55-C-b
kênh Bộ Bán	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 40' 21"	105° 14' 50"	9° 40' 55"	105° 14' 54"	C-48-55-C-b
kênh Bờ Dừa	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 37' 45"	105° 16' 49"	9° 36' 18"	105° 16' 23"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
kênh Cột Cờ	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 31"	105° 13' 54"	9° 36' 37"	105° 15' 22"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
Kênh Cũ	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 57"	105° 13' 33"	9° 39' 50"	105° 13' 13"	C-48-55-C-b
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 18"	105° 11' 00"	9° 36' 00"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lô 8	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 06"	105° 12' 09"	9° 38' 29"	105° 11' 46"	C-48-55-C-b; C-48-55-C-d
kênh Lô A	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 03"	105° 12' 42"	9° 38' 25"	105° 12' 08"	C-48-55-C-b; C-48-55-C-d
kênh Lô A Nhỏ	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 52"	105° 12' 34"	9° 36' 02"	105° 13' 19"	C-48-55-C-d
kênh Lộ Mới	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 28"	105° 14' 44"	9° 41' 13"	105° 13' 47"	C-48-55-C-b
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 05"	105° 15' 37"	9° 38' 28"	105° 14' 44"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a; C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Mười Xôm	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 18"	105° 11' 00"	9° 37' 51"	105° 10' 42"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Ô Môi	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 39' 24"	105° 13' 57"	9° 40' 09"	105° 16' 25"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
kênh Tập Đoàn	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 04"	105° 12' 13"	9° 37' 54"	105° 11' 43"	C-48-55-C-b
kênh Thầy Chín	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 39' 50"	105° 13' 13"	9° 41' 13"	105° 13' 47"	C-48-55-C-b
kênh Tiên Tiến	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 37' 50"	105° 14' 56"	9° 36' 51"	105° 12' 32"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Trưởng Tòa	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 39' 19"	105° 16' 34"	9° 39' 51"	105° 17' 02"	C-48-55-D-a
kênh Tư Quyều	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 02"	105° 14' 01"	9° 38' 31"	105° 13' 27"	C-48-55-C-d; C-48-55-C-b
kênh Xáng Ba Đình	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 32"	105° 11' 34"	9° 38' 20"	105° 17' 28"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
lung Tư Cự	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 38"	105° 12' 35"	9° 36' 14"	105° 11' 30"	C-48-55-C-d
rạch Cái Nứa	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 24"	9° 36' 13"	105° 17' 04"	C-48-55-D-c
rạch Đồng Tranh	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 13"	105° 15' 50"	9° 37' 54"	105° 15' 13"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
rạch Kè Một	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 38' 31"	105° 13' 27"	9° 40' 33"	105° 13' 45"	C-48-55-C-b
rạch Nước Chảy	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 37' 50"	105° 14' 56"	9° 37' 41"	105° 17' 05"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
rạch Xẻo Gia	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 40' 50"	105° 15' 11"	9° 39' 39"	105° 15' 12"	C-48-55-D-a
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Bình Bắc	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 31"	105° 18' 19"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Phong	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 32' 40"	105° 17' 21"					C-48-55-D-c
ấp Bình Thành	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 00"	105° 15' 33"					C-48-55-D-c
ấp Bời Lời A	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 01"	105° 15' 34"					C-48-55-D-c
ấp Hòa Thành	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 35' 15"	105° 17' 28"					C-48-55-D-c
ấp Tân Phong	DC	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 33' 09"	105° 17' 29"					C-48-55-D-c
hội quán Hưng Bình Tự	KX	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 35' 56"	105° 15' 45"					C-48-55-D-c
thánh thất Ngọc Huỳnh Đàn	KX	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận	9° 36' 03"	105° 15' 24"					C-48-55-D-c
Kênh 5	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 49"	105° 17' 18"	9° 33' 47"	105° 18' 20"	C-48-55-D-c
kênh Bảy Chì	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 47"	105° 14' 53"	9° 32' 09"	105° 15' 54"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Bộ Đạm	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 15"	105° 14' 59"	9° 32' 17"	105° 14' 39"	C-48-55-C-d
kênh Bời Lời	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 32"	9° 33' 15"	105° 14' 59"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Cột Cờ	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 31"	105° 13' 54"	9° 36' 37"	105° 15' 22"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Cựa Gà	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 08"	105° 14' 58"	9° 31' 41"	105° 15' 32"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Đồng Năng	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 35' 59"	105° 15' 46"	9° 34' 16"	105° 16' 11"	C-48-55-D-c
kênh Đường Sân	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 32' 26"	105° 14' 29"	9° 31' 39"	105° 15' 53"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 18"	105° 11' 00"	9° 36' 00"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ký Ướng	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 22"	105° 17' 18"	9° 34' 42"	105° 18' 09"	C-48-55-D-c
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-C-d
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 05"	105° 15' 37"	9° 38' 28"	105° 14' 44"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 24"	9° 35' 46"	105° 17' 18"	C-48-55-D-c
kênh Nhà Đồng	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 41"	105° 12' 48"	9° 34' 43"	105° 15' 24"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Phủ Nhựt	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 20"	105° 15' 15"	9° 34' 22"	105° 17' 18"	C-48-55-D-c
kênh Rọc Chăm	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 56"	105° 16' 59"	9° 34' 22"	105° 17' 18"	C-48-55-D-c
kênh Tám Nhiễu	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 34' 16"	105° 16' 00"	9° 32' 51"	105° 16' 47"	C-48-55-D-c
kênh Tư Hối	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 00"	105° 16' 29"	9° 33' 31"	105° 14' 33"	C-48-55-C-d; C-48-55-D-c
kênh Tư Quyều	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 02"	105° 14' 01"	9° 38' 31"	105° 13' 27"	C-48-55-C-d
kênh Xáng Chắc Băng	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-55-D-c
rạch Cái Nứa	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 36' 00"	105° 15' 24"	9° 36' 13"	105° 17' 04"	C-48-55-D-c
rạch Xẻo Gỗ	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 14"	105° 15' 54"	9° 33' 31"	105° 18' 17"	C-48-55-D-c
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Bình Nam	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 31"	105° 18' 19"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-D-c
ấp Căn Cứ	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 26' 14"	105° 17' 32"					C-48-67-B-a
ấp Cạnh Đền	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 35"	105° 17' 22"					C-48-67-B-a
ấp Cạnh Đền 1	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 12"	105° 16' 32"					C-48-67-B-a
ấp Cạnh Đền 2	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 25' 27"	105° 16' 17"					C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cạnh Đền 3	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 24' 35"	105° 15' 55"					C-48-67-B-a
ấp Đập Đá 1	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 30"	105° 12' 05"					C-48-67-A-b
ấp Đập Đá 2	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 26' 54"	105° 11' 27"					C-48-67-A-b
ấp Ruộng Sạ 1	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 09"	105° 16' 56"					C-48-67-B-a
ấp Thị Mỹ	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 23' 27"	105° 17' 31"					C-48-67-B-a
ấp Vĩnh Tây 1	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 26"	105° 14' 07"					C-48-67-A-b
ấp Vĩnh Tây 2	DC	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 44"	105° 13' 27"					C-48-67-A-b
Quốc lộ 63	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-67-A-b
cầu Xẽo Lợp	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 41"	105° 17' 24"					C-48-67-B-a
chùa Kênh 2	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 19"	105° 14' 00"					C-48-67-A-b
chùa Vĩnh Thới	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 15"	105° 12' 53"					C-48-67-A-b
cống Bà Bang	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 42"	105° 14' 22"					C-48-67-A-b
cống Ông Cả	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 00"	105° 13' 38"					C-48-67-A-b
đình Nguyễn Trung Trực	KX	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 24"	105° 17' 20"					C-48-67-B-a
kênh 1 Hảng	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 14"	105° 16' 13"	9° 28' 11"	105° 12' 45"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh 2 Hảng	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 57"	105° 13' 51"	9° 27' 54"	105° 12' 29"	C-48-67-A-b
kênh 3 Hảng	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 42"	105° 13' 34"	9° 27' 37"	105° 12' 11"	C-48-67-A-b
Kênh 5	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 10"	105° 13' 44"	9° 27' 11"	105° 11' 43"	C-48-67-A-b
Kênh 6	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 41"	105° 13' 27"	9° 26' 58"	105° 11' 30"	C-48-67-A-b
Kênh 80	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 23' 21"	105° 17' 35"	9° 24' 23"	105° 15' 51"	C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 2000	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 12"	105° 12' 10"	9° 26' 49"	105° 12' 48"	C-48-67-A-b
kênh Bà Bang	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 16"	105° 14' 43"	9° 29' 43"	105° 14' 21"	C-48-67-A-b
kênh Bà Bang	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 30"	105° 16' 54"	9° 27' 40"	105° 15' 29"	C-48-67-B-a
kênh Bà Bang	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 47"	105° 16' 14"	9° 29' 16"	105° 14' 43"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Bà Sáu	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 24' 44"	105° 16' 01"	9° 25' 31"	105° 14' 49"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Bạch Ngưu	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 24' 01"	105° 15' 38"	9° 27' 12"	105° 17' 25"	C-48-67-B-a
kênh Bờ Dừa	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 55"	105° 16' 48"	9° 28' 25"	105° 17' 27"	C-48-67-B-a
kênh Bờ Dừa	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 50"	105° 13' 31"	9° 25' 23"	105° 15' 02"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Cả Nhẹ	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 14"	105° 16' 24"	9° 28' 04"	105° 14' 34"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Cạnh Đền - Phó Sinh	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 38"	105° 17' 29"	9° 30' 46"	105° 15' 26"	C-48-67-B-a
kênh Chín Đẩu	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 30"	105° 16' 33"	9° 26' 00"	105° 17' 37"	C-48-67-B-a
kênh Cô Chín	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 24' 06"	105° 17' 58"	9° 23' 23"	105° 17' 31"	C-48-67-B-a
kênh Hai Tỷ	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 14"	105° 16' 54"	9° 29' 14"	105° 16' 10"	C-48-67-B-a
kênh Liếp Vườn	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 23' 00"	105° 19' 03"	9° 24' 49"	105° 18' 29"	C-48-67-B-a
kênh Lung Ba Thiền	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 33"	105° 14' 11"	9° 28' 50"	105° 13' 39"	C-48-67-A-b
kênh Lung Lớn	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 48"	105° 16' 04"	9° 28' 04"	105° 13' 52"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Mười Lầu	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 23' 25"	105° 18' 55"	9° 24' 44"	105° 16' 02"	C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ngang 1000	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 51"	105° 13' 14"	9° 26' 38"	105° 12' 00"	C-48-67-A-b
kênh Ông Cả	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 06"	105° 16' 37"	9° 29' 00"	105° 13' 38"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Ông Sư	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 07"	105° 14' 08"	9° 28' 52"	105° 13' 28"	C-48-67-A-b
kênh Ranh Hạt	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 28"	105° 05' 12"	9° 24' 01"	105° 15' 38"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Ruột Xã	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 44"	105° 16' 25"	9° 25' 03"	105° 14' 00"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Sông Cũ	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 31"	105° 18' 03"	9° 27' 11"	105° 17' 25"	C-48-67-B-a
kênh Thầy Hôm	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 01"	105° 16' 34"	9° 26' 42"	105° 13' 34"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
Kênh Tư	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 49"	105° 14' 20"	9° 26' 20"	105° 13' 33"	C-48-67-A-b
Kênh Tư	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 24' 24"	105° 15' 51"	9° 27' 24"	105° 11' 57"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
kênh Xáng Chắc Băng	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-67-A-b
kênh Xẽo Lợp	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 48"	105° 16' 04"	9° 28' 41"	105° 17' 25"	C-48-67-B-a
lung Rọc Dài	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 25' 35"	105° 13' 08"	9° 27' 37"	105° 13' 01"	C-48-67-A-b
Rạch Đình	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 26"	105° 17' 19"	9° 28' 08"	105° 16' 13"	C-48-67-B-a
rạch Ngã Ba	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 08"	105° 16' 13"	9° 28' 17"	105° 14' 59"	C-48-67-A-b; C-48-67-B-a
rạch Ngã Cạy	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 30"	105° 16' 54"	9° 27' 00"	105° 15' 42"	C-48-67-B-a
rạch Ông Huề	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 46"	105° 17' 28"	9° 26' 39"	105° 17' 02"	C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rọc Kênh Trời	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 37"	105° 13' 01"	9° 28' 19"	105° 12' 53"	C-48-67-A-b
sông Cái Chanh Bé	TV	xã Vĩnh Phong	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 12"	105° 17' 25"	9° 30' 27"	105° 17' 56"	C-48-67-B-a
ấp Bờ Xáng	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 35"	105° 12' 06"					C-48-67-A-b
ấp Đòn Dong	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 30"	105° 10' 35"					C-48-67-A-b
ấp Kinh 3	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 30' 12"	105° 11' 38"					C-48-55-C-d
ấp Kinh 9	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 03"	105° 09' 45"					C-48-67-A-b
ấp Kinh 11	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 39"	105° 09' 43"					C-48-67-A-b
ấp Kinh 13	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 27"	105° 09' 27"					C-48-67-A-b
ấp Kinh 14	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 29' 20"	105° 10' 26"					C-48-67-A-b
ấp Ranh Hạt	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 00"	105° 11' 31"					C-48-67-A-b
ấp Vĩnh Trinh	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 28' 32"	105° 13' 04"					C-48-67-A-b
chợ Đập Đá	KX	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận	9° 27' 22"	105° 11' 52"					C-48-67-A-b
Kênh 3	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 44"	105° 13' 19"	9° 31' 53"	105° 09' 51"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 5	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 09"	105° 11' 41"	9° 27' 46"	105° 10' 42"	C-48-67-A-b
Kênh 9 Lớn	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 26' 57"	105° 11' 29"	9° 30' 15"	105° 06' 11"	C-48-67-A-b
Kênh 11	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 20"	105° 11' 53"	9° 29' 36"	105° 08' 15"	C-48-67-A-b
Kênh 12	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 32"	105° 12' 03"	9° 29' 49"	105° 08' 24"	C-48-67-A-b
Kênh 13	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 43"	105° 12' 16"	9° 30' 11"	105° 08' 20"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 14	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 56"	105° 12' 30"	9° 30' 32"	105° 08' 41"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 2000	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 27' 35"	105° 10' 30"	9° 28' 35"	105° 11' 32"	C-48-67-A-b
Kênh 4000	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 31' 05"	105° 12' 22"	9° 29' 12"	105° 10' 39"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
Kênh 4000	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 11"	105° 10' 40"	9° 28' 09"	105° 09' 34"	C-48-67-A-b
Kênh 8000	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 44"	105° 08' 06"	9° 34' 58"	105° 12' 00"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
kênh Đòn Dong	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 29' 05"	105° 12' 06"	9° 31' 26"	105° 09' 32"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
kênh Ranh Hạt	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 30' 28"	105° 05' 12"	9° 24' 01"	105° 15' 38"	C-48-67-A-b
kênh Thủy Lợi	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 28' 16"	105° 12' 49"	9° 30' 53"	105° 09' 09"	C-48-55-C-d; C-48-67-A-b
kênh Xáng Chắc	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thuận			9° 33' 30"	105° 18' 17"	9° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-67-A-b

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa